

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2461/TB-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2025

1. Đối tượng, điều kiện xét tuyển

1.1. Đối tượng xét tuyển

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ tương đương;

1.2. Điều kiện xét tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định

2. Phạm vi tuyển sinh: tuyển sinh cả nước

3. Phương thức tuyển sinh

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

Phương thức 2: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển;

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);

Phương thức 4: Dự bị đại học.

Nhà trường **KHÔNG** sử dụng điểm thi được bảo lưu từ các kỳ thi tốt nghiệp THPT, THPT quốc gia các năm trước để xét tuyển.

4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Căn cứ ngưỡng đầu vào đối với ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố; căn cứ yêu cầu đảm bảo chất lượng, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh xác định và công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho các ngành.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường

5.1. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	416	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00)	
2.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	04	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
3.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	118	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
4.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
5.	7720110	Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	01	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
6.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	206	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00)	
7.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	02	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
8.	7720115	Y học cổ truyền	7720115	Y học cổ truyền	02	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
9.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	553	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
10.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	06	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
11.	7720201	Dược học	7720201	Dược học	01	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
12.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	59	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
13.	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
14.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	204	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
15.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	02	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
16.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	04	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
17.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	117	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
18.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
19.	7720301_03	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	7720301	Điều dưỡng	02	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
20.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	117	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	Chỉ tuyển nữ
21.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	Chỉ tuyển nữ
22.	7720302	Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	02	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	Chỉ tuyển nữ
23.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	78	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
24.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
25.	7720401	Dinh dưỡng	7720401	Dinh dưỡng	01	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
26.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	125	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00)	
27.	7720501	Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
28.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	38	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
29.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
30.	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	7720502	Kỹ thuật phục hình răng	01	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
31.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	165	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
32.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	02	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
33.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	03	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
34.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	87	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
35.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
36.	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	02	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
37.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	97	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
38.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
39.	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	02	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
40.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	88	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00)	
41.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
42.	7720701	Y tế công cộng	7720701	Y tế công cộng	01	Phương thức 4 (Tổ hợp BDB)	
43.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	59	- Phương thức 1 (Tổ hợp B00, A00, B03, B08) - Phương thức 2 (Tổ hợp B00, A00, B03, B08)	
44.	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	01	Phương thức 3 (Tổ hợp BTT)	
	Cộng				2576		

5.2. Tổ hợp xét tuyển

- Ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt, Y học cổ truyền xét tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học.

- Ngành Dược học, Hóa dược, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Kỹ thuật phục hình răng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Dinh dưỡng, Y tế công cộng, Y học dự phòng: gồm 2 tổ hợp:

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học ;
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học.

- Ngành Công tác xã hội: có 4 tổ hợp

- Tổ hợp B00: Toán, Hóa học, Sinh học;
- Tổ hợp A00: Toán, Vật lí, Hóa học ;
- Tổ hợp B03: Toán, Sinh học, Ngữ văn;
- Tổ hợp B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh.

Từ năm 2026, nhà trường không sử dụng tổ hợp A00 để xét tuyển ngành Công tác xã hội.

Các tổ hợp được xét tuyển chung với nhau, không quy định điểm chênh lệch giữa các tổ hợp.

Đối với ngành đào tạo sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh, thí sinh bắt buộc phải thi tốt nghiệp THPT môn tiếng Anh. Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh không quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT thành điểm môn ngoại ngữ xét tuyển.

5.3. Điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trong trường hợp số lượng thí sinh đạt điểm trúng tuyển vượt quá số lượng dự kiến thí sinh nhập học theo chỉ tiêu được phê duyệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho từng ngành đào tạo của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh do bằng nhau về điểm xét tuyển, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn (nguyên vọng 1 là nguyện vọng cao nhất).

5.4. Điểm cộng

Điểm cộng là số điểm mà nhóm thí sinh có chứng chỉ quốc tế theo quy định của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh được cộng vào điểm xét tuyển. Tổng điểm cộng không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30) và được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng).

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký nguyện vọng và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống

Thí sinh đăng ký, điều chỉnh, bổ sung nguyện vọng xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo kế hoạch chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025**.

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành, sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyên vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

Thí sinh đã trúng tuyển sẽ không được tham gia xét tuyển bởi các phương thức tuyển sinh khác.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 05/8/2025**.

6.2. Phương thức xét tuyển

6.2.1. Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Thí sinh tốt nghiệp THPT và kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có tổng điểm thi của tổ hợp B00/ A00/ B03/ B08, điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

6.2.2. Phương thức 2: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển

a) Điều kiện xét tuyển

Thí sinh tốt nghiệp THPT và kết quả trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 có tổng điểm thi của tổ hợp B00/ A00/ B03/ B08, điểm cộng (nếu có) và điểm ưu tiên (nếu có) phải bằng hoặc trên mức điểm tối thiểu ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Hội đồng tuyển sinh Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh quy định.

Thí sinh có chứng chỉ quốc tế sẽ được cộng điểm theo quy định của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (*đối với tất cả các ngành đào tạo*). Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng kết quả chứng chỉ quốc tế quy đổi thành điểm cộng trong xét tuyển.

Điểm cộng chỉ được tính khi thí sinh đã nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS/ TOEFL iBT), kết quả SAT theo quy định và đạt yêu cầu về ngưỡng được cộng điểm.

Thông tin trên chứng chỉ quốc tế phải **hoàn toàn trùng khớp** các thông tin liên quan đến thí sinh. Nhà trường không giải quyết các trường hợp không trùng khớp thông tin.

Thí sinh nộp bản sao chứng thực chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, kết quả SAT tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh:

- Hình thức:

+ Chứng chỉ tiếng Anh IELTS/ TOEFL iBT: thí sinh nộp **trực tiếp** hoặc **chuyển phát nhanh, ưu tiên** qua đường bưu điện;

+ Chứng chỉ SAT: thí sinh nộp **trực tiếp** tại phòng Đào tạo đại học. Trong ngày nộp hồ sơ, thí sinh cung cấp thông tin đăng nhập vào tài khoản của học sinh trên College board để nhà trường kiểm tra.

- Địa điểm: Phòng Đào tạo đại học - Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

- Thời gian: từ **ngày 30/6/2025 đến trước 17g00 ngày 18/7/2025** (trừ Thứ Bảy và Chủ Nhật).

Thí sinh phải gửi sớm và đảm bảo Trường nhận được trước 17g00 ngày 18/7/2025. Trường sẽ không giải quyết đối với hồ sơ đến sau 17g00 ngày 18/7/2025.

- Thời hạn chứng chỉ quốc tế: từ **ngày 30/6/2023 đến ngày 18/7/2025**.

- Đơn vị cấp chứng chỉ IELTS:

+ British Council (BC);

+ International Development Program (IDP).

- Đơn vị cấp chứng chỉ TOEFL iBT : Educational Testing Service (ETS).

b) Ngưỡng được cộng điểm

- Thí sinh đạt IELTS Academic 6.0 trở lên/ TOEFL iBT 80 trở lên.

- Thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT từ 1340 điểm trở lên. Thí sinh chỉ chọn 1 kết quả điểm trong số các kỳ thi còn giá trị sử dụng.

Nhà trường sẽ kiểm tra chứng chỉ quốc tế **bản gốc** khi thí sinh nhập học, nếu thí sinh không đảm bảo điều kiện như quy định sẽ bị loại ra khỏi danh sách trúng tuyển.

6.2.3. Nguyên tắc xét tuyển chung của phương thức 1 và 2

Điểm xét tuyển: là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi của tổ hợp xét tuyển B00, A00, B03 và B08 cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo quy định và điểm cộng chứng chỉ quốc tế được làm tròn đến hai chữ số thập phân trước khi cộng.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn thi (a) + Điểm ưu tiên (b) + Điểm cộng (c)

(a) điểm thi môn Toán + Sinh học + Hóa học/ Toán + Vật lý + Hóa học/ Toán + Sinh học + Ngữ văn/ Toán + Sinh học + Tiếng Anh;

(b) Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10, tổng điểm 3 môn và điểm cộng (nếu có) tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo quy định}$

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi (không nhân hệ số).

(c) Điểm cộng cho chứng chỉ quốc tế được làm tròn đến hai chữ số thập phân trước khi cộng vào điểm xét tuyển.

Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: (chỉ chọn 1 trong 2: IELTS hoặc TOEFL iBT)

Điểm cộng: IELTS = $0,9 \times \text{điểm IELTS}/9$ hoặc

TOEFL iBT = $0,9 \times \text{điểm TOEFL iBT}/120$

Chứng chỉ quốc tế SAT (Scholastic Aptitude Test)

Điểm cộng: SAT = $0,9 \times \text{điểm SAT}/1600$

- Điểm trúng tuyển: là điểm xét tuyển thấp nhất mà thí sinh được xét trúng tuyển cho ngành đào tạo phù hợp với số lượng chỉ tiêu đã công bố, nhưng không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- Hội đồng tuyển sinh lập danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển của từng ngành theo thứ tự giảm dần của điểm xét tuyển. Danh sách thí sinh trúng tuyển được chọn

theo điểm xét tuyển, tuân tự từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn, nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất.

6.2.3. Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8)

a) Đối tượng xét tuyển thẳng

Đối tượng tuyển thẳng vào đại học được xét theo quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

a₁. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào học đại học một trong tất cả các ngành.

a₂. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng:

Môn Sinh học:

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y khoa hoặc Răng - Hàm - Mặt;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng, Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội.

Môn Hóa học:

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hóa dược.

Môn Vật lý:

- *Giải nhất trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học;

- *Giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế:* được tuyển thẳng vào học đại học ngành Dược học.

a₃. Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia được xét tuyển thẳng trong năm

tốt nghiệp THPT; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, có dự án hoặc nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến:

Lĩnh vực y, sinh học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:

- *Giải nhất*: được tuyển thẳng vào học đại học ngành Y học cổ truyền, Y học dự phòng.
- *Giải nhất, nhì, ba*: được tuyển thẳng vào học đại học một trong các ngành Điều dưỡng, Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức, Hộ sinh, Y tế công cộng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hình răng, Dinh dưỡng, Công tác xã hội.

Lĩnh vực hóa học, dược học và nội dung đề tài phù hợp với ngành đào tạo:

- *Giải nhất, nhì, ba*: được tuyển thẳng vào học đại học ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học, Hóa dược.

Việc xác định nội dung đề tài nghiên cứu khoa học liên quan và phù hợp với ngành đào tạo do Hội đồng tuyển sinh quyết định.

b) Chỉ tiêu: xem chi tiết tại mục 5.1.

c) Phương án xét tuyển thẳng

Trong trường hợp số lượng thí sinh nộp vào từng ngành vượt quá chỉ tiêu tuyển sinh, Nhà trường sẽ xét ưu tiên lần lượt theo thứ tự các đối tượng từ mục a₁ đến mục a₃ cho đến khi đủ chỉ tiêu.

Nhà trường tổ chức xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định và thông báo kết quả xét tuyển thẳng cho thí sinh trước ngày 15/7/2025.

Thí sinh đã trúng tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh theo kế hoạch xét tuyển thẳng phải thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống hoặc trên Cổng dịch vụ công quốc gia để lựa chọn chương trình, ngành đã trúng tuyển thẳng tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh hoặc đăng ký nguyện vọng xét tuyển khác từ **ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025**.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 05/8/2025**.

Thí sinh trúng tuyển thẳng xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống **chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 30/8/2025**.

d) Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng **chuyển phát nhanh, ưu tiên** qua đường bưu điện hoặc **trực tiếp** tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Đào tạo đại học - số 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh) **trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2025**.

Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm các giấy tờ sau:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng vào đại học hệ chính quy tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 (Phụ lục 1);

- Bản sao công chứng các chứng nhận đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia.

6.2.4. Phương thức 4: Dự bị đại học

a) Đối tượng dự bị đại học

- Là các học sinh dự bị đại học của Trường Dự bị đại học TP. Hồ Chí Minh và Trường Dự bị đại học dân tộc trung ương Nha Trang;

- Các học sinh này thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển sinh quy định tại Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học ban hành kèm theo Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đã hoàn thành chương trình dự bị đại học, được Trường Dự bị đại học phân bổ chỉ tiêu;

- Các học sinh dự bị đại học đáp ứng được điều kiện xét tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- + Đối tượng xét tuyển là người dân tộc Kinh không vượt quá 5% tổng số chỉ tiêu;
- + Kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 của thí sinh phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học hệ chính quy năm 2024 theo Thông báo số 1631/TB-ĐHYD ngày 19/7/2024 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Chỉ tiêu: xem chi tiết tại mục 5.1.

c) Phương án xét dự bị đại học

Căn cứ chỉ tiêu được thống nhất và điều kiện xét tuyển, Trường Dự bị đại học phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học và gửi hồ sơ về Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà trường xét duyệt lại hồ sơ và thông báo kết quả học sinh đủ điều kiện trúng tuyển trước ngày 15/7/2025.

Học sinh dự bị đại học sau khi đã có kết quả đủ điều kiện trúng tuyển vào Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện đăng ký xét tuyển đúng nguyện vọng trên Hệ thống hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia từ **ngày 16/7 đến 17 giờ 00 ngày 28/7/2025**.

Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ **ngày 29/7 đến 17 giờ 00 ngày 05/8/2025**.

Học sinh dự bị đại học trúng tuyển xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống **chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 30/8/2025**.

d) Hồ sơ học sinh do Trường Dự bị đại học bàn giao cho Trường, gồm các giấy tờ sau:

- Hồ sơ nhập học dự bị đại học của học sinh và minh chứng đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định;
- Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh hoàn thành dự bị đại học;
- Văn bản phê duyệt kết quả xét chuyển học sinh hoàn thành dự bị đại học vào Trường;

- Bản sao chứng thực Căn cước công dân;
- Bản sao chứng thực Bằng tốt nghiệp THPT;
- Bản sao chứng thực Học bạ THPT;
- Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú.

Thời gian bàn giao hồ sơ: **trước ngày 30/6/2025.**

6.3. Thông báo kết quả và xác nhận nhập học

- Trường công bố kết quả trúng tuyển đợt 1 chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 22/8/2025.
- Thí sinh trúng tuyển hoàn thành xác nhận nhập học **trực tuyến** đợt 1 trên Hệ thống **chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 30/8/2025.**

- Đối với những thí sinh không xác nhận nhập học trong thời hạn quy định, nếu không có lý do chính đáng thì coi như thí sinh từ chối nhập học và Trường có quyền không tiếp nhận.

Thí sinh đã trúng tuyển và xác nhận nhập học tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh thì không được tham gia xét tuyển ở nơi khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

7. Chính sách ưu tiên

Trường không có ưu tiên xét tuyển.

8. Lệ phí xét tuyển: Theo quy định chung và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp; hỗ trợ và giải quyết phản ánh, khiếu nại và bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro đã được công bố trong Thông tin tuyển sinh theo quy định trong phạm vi của nhà trường.

10. Học phí dự kiến:

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến
1	Y khoa	82.200.000 đồng/năm học
2	Y học dự phòng	50.000.000 đồng/năm học
3	Y học cổ truyền	50.000.000 đồng/năm học
4	Dược học	60.500.000 đồng/năm học
5	Hóa dược	50.000.000 đồng/năm học
6	Điều dưỡng	46.000.000 đồng/năm học
7	Điều dưỡng chuyên ngành Gây mê hồi sức	46.000.000 đồng/năm học
8	Hộ sinh	46.000.000 đồng/năm học
9	Dinh dưỡng	46.000.000 đồng/năm học
10	Răng - Hàm - Mặt	84.700.000 đồng/năm học
11	Kỹ thuật phục hình răng	46.000.000 đồng/năm học

TT	Tên ngành	Học phí dự kiến
12	Kỹ thuật xét nghiệm y học	46.000.000 đồng/năm học
13	Kỹ thuật hình ảnh y học	46.000.000 đồng/năm học
14	Kỹ thuật phục hồi chức năng	46.000.000 đồng/năm học
15	Y tế công cộng	46.000.000 đồng/năm học
16	Công tác xã hội	30.000.000 đồng/năm học

Lộ trình dự kiến tăng học phí tối đa 10% cho từng năm.

Nơi nhận:

- HĐTS;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, ĐTĐH_{NLNT}

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**HIỆU TRƯỞNG
Ngô Quốc Đạt**